

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày 26-02-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp người nuôi
con chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thạo;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Việt Hà, bà Vi Thị Tú.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Khiết – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 108/2024/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp người nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị C, sinh năm 1986 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn M, xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C1, sinh năm 1986 (vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn M, xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

Nơi chấp hành án: Đội 2, phân trại số A, Trại giam Q1, Cục C3 - Bộ C4.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/11/2024, các lời khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, chị Nông T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn C1 tự nguyện kết hôn với nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn ngày 07/3/2008 tại UBND xã A (nay là xã V), huyện S, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới, chị về chung sống với anh C1. Tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2013, nguyên nhân do anh C1 hay cò bạc dẫn đến phạm tội. Vợ chồng hay đánh, cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hiện nay anh C1 đang chấp hành án tại Trại giam Q1 do phạm tội Cướp tài sản. Chị đã ly thân với anh C1 từ năm 2021 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh C1.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn C1 có 01 con chung Nguyễn Duy V, sinh ngày 24/9/2008. Hiện nay cháu V đang sống cùng chị. Sau khi Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu V, không yêu cầu anh C1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không đề nghị Tòa án giải quyết.

Nợ chung của vợ chồng: không có

Chứng cứ chị C2 đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là 01 bản sao Sổ thăm gặp phạm nhân và gửi tiền lưu ký; 01 Xác nhận thông tin nơi cư trú; 01 giấy khai sinh bản sao; 02 bản phô tô công chứng căn cước công dân; 01 Giấy chứng nhận kết hôn; 01 Giấy chứng nhận hộ nghèo, cận nghèo

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/01/2025, bị đơn là anh Nguyễn Văn C1 trình bày: Anh C1 thừa nhận nội dung chị C khai về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, con chung là đúng. Anh C1 đồng ý ly hôn, đồng ý để chị C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu V.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Nợ chung của vợ chồng: không có.

Do anh đang chấp hành án phạt tù nên anh đề nghị được vắng mặt tại tất cả phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại tất cả phiên tòa xét xử vụ án.

Tòa án đã lấy lời khai của cháu Nguyễn Duy V. Cháu V có nguyện vọng được ở cùng chị C.

Tại phiên tòa. Chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ trình tự tại phiên tòa sơ thẩm.

Các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1, Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cho chị Nông Thị C và anh Nguyễn Văn C1 được ly hôn.

Về con chung: Giao cho chị Nông Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Nguyễn Duy V, sinh ngày 24/9/2008. Anh Nguyễn Văn C1 có quyền thăm con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Nông Thị C được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn C1 vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Các đương sự đều cư trú tại huyện S, tỉnh Bắc Giang; Chị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc “Ly hôn, tranh chấp người nuôi con khi ly hôn”. Tòa án nhân dân huyện Sơn Động thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về Nội dung: Chị Nông Thị C và anh Nguyễn Văn C1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A (nay là xã V), huyện S ngày 07/3/2008. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh C1 là hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị C, Hội đồng xét xử thấy: chị C và anh C1 đều thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn, đã sống ly thân nhau từ năm 2021 đến nay không còn tình nghĩa vợ chồng, không quan tâm đến nhau. Cả chị C và anh C1 đều đồng ý ly hôn. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C, cho chị C được ly hôn anh C1 là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị C và anh C1 đều thừa nhận có 01 con chung là cháu Nguyễn Duy V, sinh ngày 24/9/2008. Chị C và anh C1 đều đồng ý để chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu V, cháu V cũng có nguyện vọng được ở với chị C nên cần giao cháu V cho chị C trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu V là có căn cứ. Các đương sự đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Các đương sự đều thừa nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí, quyền kháng cáo: Chị C được miễn án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ, khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Cho chị Nông Thị C được ly hôn với anh Nguyễn Văn C1.

2. Về con chung: Giao cho chị Nông Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Duy V, sinh ngày 24/9/2008. Anh C1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Nông Thị C.
Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- UBND xã Đ, Huyện. S;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Xuân Thạo